

Bản án số: 132/2017/HSPT

Ngày: 19-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Ngô Quang Dũng.
2. Ông Bạch Đăng Thi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 186/2017/HSPT ngày 30/10/2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị M do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: Nguyễn Thị M, tên gọi khác: không có; sinh năm 1985 tại xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; số chứng minh nhân dân: 121471***; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn T và bà Vi Thị T; có chồng là Lâm Văn K (là bị cáo trong vụ án) và có 2 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; có mặt.

**** Những người tham gia tố tụng khác:*** Vụ án còn có 2 bị cáo khác là Lâm Văn K và Nguyễn Văn K, 08 người bị hại, 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng số 13/KSĐT ngày 04/8/2017 của VKSND huyện S và bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 20/9/2017 của TAND huyện S, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Bị cáo Lâm Văn K nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của người khác để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Thực hiện ý định trên, K tự tìm hiểu trên mạng internet về cách phá ổ khóa xe máy, sau đó K đã tự chế một vạmphá khóa gồm có 01 đầu vạm và 01 tay công hình chữ “T”. Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 22/02/2017, K một mình và cùng đồng bọn thực hiện 08 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện S, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1:

Khoảng 18 giờ ngày 27/11/2015, Lâm Văn K cất giấu vạm phá khóa vào túi quần, một mình đi bộ từ nhà ở thôn M, xã A, huyện S ra đường bê tông liên xã A – V với mục đích thấy xe mô tô của người dân nào để sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến khu vực thôn L, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang thì K phát hiện thấy tại sân nhà ông Hoàng Văn T ở cách đường khoảng 40m điện bật sáng, có xe mô tô dựng ở sân. K đi vào quan sát thấy không có ai trông coi, cửa nhà đóng; K tiến đến gần chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu sơn trắng – xanh, biển số 98E1 – 303.**, K lấy đầu vạm cắm vào ổ khóa điện, lấy tay công cắm vào đầu vạm rồi dùng hai tay vặn mạnh theo chiều kim đồng hồ thì đèn báo số của xe bật sáng. K cất tay công, đầu vạm vào túi quần rồi nổ máy, điều khiển xe đi thẳng về nhà cất giấu. Sau đó K mua ổ khóa mới về thay, tháo biển số xe vứt đi và lắp biển số giả 98L1 - 019.96 vào xe để tránh bị phát hiện; thấy xe mô tô này còn mới nên K không bán mà giữ lại để sử dụng làm phương tiện đi lại. Khoảng tháng 2 năm 2016, K cho em vợ là Nguyễn Văn K mượn chiếc xe trên để K sử dụng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 03/ KL- HĐ ngày ngày 28/02/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu sơn trắng - xanh nêu trên trị giá 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ 2:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 22/6/2016, Lâm Văn K rủ vợ là Nguyễn Thị M đi trộm cắp xe mô tô, M đồng ý. K cất giấu vạm phá khóa vào túi quần rồi lấy xe

máy của gia đình nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, màu sơn nâu, biển số 98L1 – 005.** điều khiển chở M ngồi sau đi từ nhà ra đường bê tông liên xã A– V, K rẽ vào đường mòn khu rừng K thuộc thôn K, xã V, huyện S thì phát hiện phía bên trái đường mòn có chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Future, màu sơn nâu, biển số 98N2 – 93** của chị Hoàng Thị H đi làm ruộng để tại đây. Quan sát thấy xung quanh vắng vẻ, không có người qua lại; K quay đầu xe rồi bảo M điều khiển đi quay lại một đoạn đứng đợi. K tiến đến vị trí chiếc xe mô tô biển số 98N2 – 93** dùng vạm phá ổ khóa điện như lần trước. K cật vạm và tay công vào túi quần, khởi động nổ máy điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi về nhà cất giấu. Thấy K đã trộm cắp được xe mô tô nên M cũng điều khiển xe mô tô biển số 98L1 – 005.** đi về nhà. Thấy xe mô tô trộm cắp được còn mới nên K tháo biển số xe bỏ thành nhiều mảnh nhỏ vứt đi, đục sửa số khung, số máy và thay ổ khóa mới để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 02/ KL- HĐ ngày ngày 01/3/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Future, màu sơn nâu nêu trên trị giá 18.500.000đ (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ 3:

Khoảng 17 giờ ngày 01/10/2016, Lâm Văn K rủ vợ là Nguyễn Thị M đi đến khu vực xã A, huyện S tìm xe mô tô để sơ hở thì trộm cắp, M đồng ý. K cất giấu vạm phá khóa vào trong túi quần, lấy xe mô tô của gia đình nhãn hiệu HONDA, biển số 98L1 – 005.** chở M đi trộm cắp. Khi đi đến khu vực thôn A, xã A, huyện S thì K phát hiện thấy có đám cưới; K chở M đến cách đám cưới khoảng 50m thì dừng lại, K xuống xe bảo M điều khiển xe mô tô đi quay lại đợi. K đi bộ vào khu vực đám cưới, cách đám cưới khoảng 30m thì thấy có nhiều xe mô tô của khách đi ăn cỗ để tại đây nhưng không có người trông giữ xe. K tiến đến chỗ chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α , màu sơn trắng – đen – bạc, biển số 98L1 – 051.** của anh Nguyễn Trí L đi ăn cỗ cưới để tại đây, K dùng vạm phá ổ khóa điện như lần trước. K cật vạm và tay công vào túi quần, quay đầu xe rồi khởi động nổ máy chạy ra khỏi khu vực đám cưới, sau đó K gọi điện thoại bảo M đi về. K điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi đến khu vực đồi keo ở thôn K, xã V, huyện S cất giấu rồi gọi điện cho M đến đó đón K về nhà. Đến khoảng 12 giờ ngày 03/10/2016, K đi xe mô tô biển số 98L1 – 005.** chở M đến khu vực đồi keo ở thôn K, xã V để lấy xe mô tô trộm cắp được mang về nhà cất giấu. K kiểm tra trong cốp xe có giấy

đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Trí L. Ngày 04/10/2016, K một mình đem xe mô tô trộm cắp được đến bán cho Nguyễn Văn C nhà ở thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Q với giá 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi bán xe, K đón xe khách về đến huyện Đ, tỉnh L thì gọi điện cho M đi xe mô tô đến đón K về nhà.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 04/ KL- HĐ ngày ngày 28/2/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE của anh Nguyễn Trí L trị giá 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ 4:

Khoảng 8 giờ ngày 10/10/2016, Lâm Văn K cất giấu vạm phá khóa vào túi quần rồi lấy xe mô tô của gia đình nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, màu sơn nâu, biển số 98L1 – 005.** chở Nguyễn Thị M đi đến trung tâm thị trấn A, huyện S tìm xe mô tô để trộm cắp. K phát hiện thấy tại nhà hàng T ở Khu 3, Thị trấn A, huyện S có tổ chức đám cưới; K chở M đi lòng vòng khoảng 20 phút thì quay lại dừng xe ở khu vực ngã ba, cách đám cưới khoảng 30m, K bảo M đợi ở đó, còn K đi bộ vào khu vực để xe của đám cưới; quan sát thấy không có người trông xe, K dùng vạm phá được khóa điện chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu sơn vàng – đen, biển số 98F1 – 042.** của chị Mè Thị P đi giúp đám cưới tại nhà hàng T. K điều khiển xe trộm cắp được đi đến khu vực đỉnh dốc L thuộc thôn L, xã L, huyện S cất giấu vào đồi keo. Biết K đã trộm cắp được xe mô tô nên M điều khiển xe biển số 98L1 – 005.** đi về. Khoảng 13 giờ cùng ngày, K và M chở nhau đến khu vực dốc L lấy xe mô tô trộm cắp được đem về nhà cất giấu. Ngày 11/10/2016, K đem xe mô tô biển số 98F1 – 042.** trộm cắp được đến thị trấn C, huyện L, tỉnh B bán cho một người đàn ông không quen biết với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng), sau đó K đón xe khách đi về nhà.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 08/ KL- HĐ ngày ngày 27/4/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; loại xe SIRIUS của chị Mè Thị P trị giá 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ 5:

Khoảng 18 giờ ngày 15/10/2016, Lâm Văn K mang theo vạm phá khóa, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Future, màu sơn nâu, không có biển số (xe trộm cắp được tại thôn K, xã V) chở Nguyễn Thị M ngồi sau đi trộm cắp. K

phát hiện thấy nhà anh Lý Văn H ở thôn M, xã L, huyện S có xe mô tô để ở đầu nhà bếp, cạnh đường bê tông. Quan sát thấy gia đình anh H đang ăn cơm trong nhà, xung quanh không có ai; K đi bộ vào dùng vạm phá được ổ khóa điện chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α , màu sơn trắng – đen – bạc, biển số 98E1 – 319.** của ông Trần Văn C, ông C đến gia đình anh H chơi và ăn cơm tại đó. Phá được khóa xe, K cắt vạm vào túi quần rồi lúi xe ra đường bê tông mới nổ máy, K điều khiển xe trộm cắp được đi đến đồi keo thuộc địa phận thôn N, xã V, huyện S rồi cất giấu; còn M điều khiển xe mô tô Future đến nơi K giấu xe đón K về nhà. Khoảng 8 giờ ngày 16/10/2016, K và M đi xe mô tô biển số 98L1 – 005.** chở nhau đến nơi cất giấu để K lấy xe mô tô trộm cắp được mang đi bán. Theo K khai nhận, K đi xe mô tô biển số 98E1 – 319.** đến huyện T, tỉnh Q bán cho Nguyễn Văn C với giá 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng), sau đó K đón xe khách đi về nhà.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 10/ KL- HĐ ngày ngày 28/4/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE của gia đình ông Trần Văn C trị giá 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ 6:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 04/02/2017, Lâm Văn K đi xe mô tô của gia đình nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, biển số 98L1 – 005.** vào khu vực Ủy ban nhân dân huyện S với mục đích để xe mô tô ở đó rồi đi ra sân vận động ở gần đó xem bóng đá. Khánh phát hiện thấy tại khu vực sân nhà để xe ô tô của Ủy ban nhân dân huyện có dựng nhiều xe mô tô nhưng không có người trông giữ, K biết những xe mô tô đó là của những người đi xem bóng đá nên K nảy sinh ý định trộm cắp. K đi xe về nhà lấy vạm phá khóa cất giấu vào túi quần rồi đi xe quay lại Ủy ban nhân dân huyện S, K để xe mô tô tại khu vực sân nhà xe, đi bộ ra sân vận động xem bóng đá. Khoảng 30 phút sau, K quay lại khu vực nhà để xe ô tô của Ủy ban nhân dân huyện S dùng vạm phá được ổ khóa điện chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu sơn trắng – đen, biển số 98L1 – 044.** của ông Phạm Minh X, K điều khiển xe trộm cắp được về nhà cất giấu. Sau đó K lấy xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Future (xe trộm cắp được lần thứ 2) chở vợ là Nguyễn Thị M đi quay lại khu vực Ủy ban nhân dân huyện S để K lấy xe mô tô của K đi về nhà. Ngày 06/02/2017, K điều khiển xe máy trộm cắp được đến thị trấn Đ,

huyện Đ, tỉnh L bán cho một người đàn ông không quen biết với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng) rồi đón xe khách đi về nhà.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 09/ KL- HĐ ngày ngày 27/4/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS của ông Phạm Minh X trị giá 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng chẵn).

Vụ thứ 7:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05/02/2017, Lâm Văn K cất giấu vạm phá khóa vào túi quần, điều khiển xe mô tô biển số 98L1 – 005.** chở vợ là Nguyễn Thị M đi xem bóng đá. Khi đến khu vực sân vận động huyện S thì K dừng lại và giao xe cho Ma để ngồi xem bóng đá. Khoảng 45 phút sau, K một mình đi bộ vào khu vực sân nhà để xe ô tô của Ủy ban nhân dân huyện S để trộm cắp xe mô tô. K dùng vạm phá được ổ khóa điện chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α, màu sơn xanh – đen – bạc, biển số 98E1 – 393.** của ông Hà Văn C, ông C để xe ở đó ra sân vận động xem bóng đá. K điều khiển xe trộm cắp được đem về nhà cất giấu. Ngày 07/02/2017, K điều khiển xe trộm cắp được đến thị trấn T, huyện T, tỉnh Q bán cho Nguyễn Văn C với giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), sau đó K đón xe khách đi về nhà.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 07/ KL- HĐ ngày ngày 27/4/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA; loại xe WAVE của ông Hà Văn C trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn).

Vụ thứ 8:

Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 22/02/2017, Lâm Văn K rủ em vợ là Nguyễn Văn K đi đến khu vực chợ trung tâm huyện S trộm cắp xe mô tô, K đồng ý. Lâm Văn K cất giấu vạm phá khóa vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu trắng – xanh, biển số giả 98L1 – 019.96 (là xe K trộm cắp được lần 1 nhưng cho K mượn) chở K đi đến chợ trung tâm huyện S. Lâm Văn K và K đi lòng vòng trong và ngoài chợ quan sát, phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu sơn trắng – đen, biển số 98E1 – 131.** của ông Trần Đại L dựng tại đường bê tông phía bên ngoài chợ, ông L để xe ở đó đi vào chợ. Thấy xe máy để sơ hở, không có người trông coi, Lâm Văn K điều khiển xe đi vào phía trong chợ thì dừng lại giao xe biển số giả 98L1 – 019.96 cho K; Lâm

Văn K một mình đi bộ đến dùng vạm phá được ổ khóa điện chiếc xe mô tô biển số 98E1 – 131.***, Lâm Văn K khởi động nổ máy rồi điều khiển xe trộm cắp được đi về nhà cất giấu; thấy Lâm Văn K lấy trộm được xe nên K điều khiển xe đi về nhà.

Ngày 24/02/2017, Lâm Văn K và K mang xe mô tô trộm cắp được của ông Trần Đại L đi đến xã H, huyện T, tỉnh Q bán cho Nguyễn Văn C với giá 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng), sau đó Lâm Văn K và K đón xe khách đi về nhà. Khi về nhà, Lâm văn K chia cho K 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), Lâm Văn K cho vợ là Nguyễn Thị M 1.000.000đ (Một triệu đồng), số tiền còn lại là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) Lâm Văn K chi tiêu cá nhân hết. Cùng ngày 24/02/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện S đã triệu tập Nguyễn Văn K để làm việc, qua đấu tranh K thừa nhận K và Lâm Văn K cùng thực hiện vụ trộm cắp xe mô tô tại khu vực chợ trung tâm huyện S.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/ KL- HĐ ngày ngày 01/3/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; loại xe SIRIUS, màu sơn đen – trắng của ông Trần Đại L trị giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

* Quá trình điều tra vụ án ngày 23/5/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định số khung, số máy nguyên thủy của 03 xe mô tô thu giữ được, gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, màu sơn nâu, biển số 98L1 – 005.**; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Future, màu sơn nâu, không có biển số; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu trắng – xanh, biển số 98L1 – 019.**; yêu cầu xác định biển số 98L1 – 019.96 là thật hay được làm giả. Tại bản Kết luận giám định số 807/KL- PC54 ngày 30/5/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Số khung: RLHHA0807AY194579 và số máy: HA08E-1494611 trên chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, màu sơn nâu, biển số 98L1 – 005.** gửi giám định không bị hàn ghép, đóng đục lại. Số khung RLCS5C6H0FY110615 và số máy 5C6H-110618 trên chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu sơn trắng – xanh, biển số 98L1 – 019.** gửi giám định không bị hàn ghép đóng đục lại. Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Future, màu sơn nâu, không có biển số có số máy: JC54E-0079748 bị đóng đục lại, số nguyên thủy là JC54E-0019748 và số khung: RLHJC5318CY009854 bị đóng đục lại, số nguyên thủy là RLHJC5318CY009354. Chiếc biển số 98L1 – 019.** gửi giám định là biển số giả.

* Căn cứ vào kết quả giám định, xác định được: Chiếc xe mô tô có số khung RLCS5C6H0FY110615 và số máy 5C6H-110618 đứng tên chủ sở hữu là Hoàng Văn H (con ông Hoàng Văn T); chiếc xe mô tô có số máy JC54E-0019748 và số khung RLHJC5318CY009354 đứng tên chủ sở hữu là Chu Văn T (chồng chị Hoàng Thị H).

* Quá trình điều tra Lâm Văn K, Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn K đều thành khẩn khai báo. Kết quả điều tra xác định được Lâm Văn K trực tiếp thực hiện 08 hành vi trộm cắp xe mô tô, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt được là 94.500.000đ (Chín mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng). Nguyễn Thị M giúp sức cho Lâm Văn K trộm cắp 04 xe mô tô của những người: Hoàng Thị H, Nguyễn Trí L, Mè Thị P và Trần Văn C, tổng trị giá là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng). Nguyễn Văn K giúp sức cho Lâm Văn K trộm cắp 01 xe mô tô trị giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

* Theo lời khai của Lâm Văn K và K thì: Lâm Văn K một mình có 3 lần và Lâm Văn K cùng K 1 lần đem xe trộm cắp đến bán cho Nguyễn Văn C, sinh năm 1970, trú tại thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Q. Cơ quan điều tra đã nhiều lần xác minh nhưng đối tượng Nguyễn Văn C không có mặt tại địa phương. Do chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Văn C, Cơ quan điều tra đã kết luận tiếp tục điều tra, làm rõ, khi nào có đủ tài liệu, chứng cứ sẽ xử lý sau.

* Tại bản Cáo trạng số 13/KSĐT ngày 04 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo Lâm Văn K, Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản”; Lâm Văn K và Nguyễn Thị M bị truy tố theo điểm e, khoản 2, Điều 138 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn K bị truy tố theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 20/9/2017 của TAND huyện S, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Lâm Văn K, Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 138; các điểm b, p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án còn xử phạt bị cáo Lâm Văn K 04 năm tù; Nguyễn Văn K 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính

từ ngày tuyên án sơ thẩm; giải quyết về trách nhiệm dân sự của các bị cáo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, ngày 27/9/2017 bị cáo Nguyễn Thị M nộp đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Lý do vì: Bị cáo phạm tội do chồng rủ đi, bị cáo lệ thuộc vào chồng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trước và sau khi xét xử sơ thẩm đã bồi thường cho những người bị hại và được họ xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hộ nghèo, có hai con còn nhỏ, chồng đã bị bắt chấp hành án 4 năm tù, bị cáo mong muốn được hưởng án treo để có cơ hội cải tạo tại địa phương, có điều kiện lao động chăm lo cho gia đình.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo được nộp cho Tòa án trong hạn 15 ngày sau khi tuyên án sơ thẩm nên là kháng cáo hợp lệ, đề nghị HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất mức độ, vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy cấp sơ thẩm xử phạt mức hình phạt 02 năm tù đối với bị cáo là phù hợp. Tại quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị M có cung cấp tài liệu thể hiện đã bồi thường dân sự cho người bị hại và được xin giảm nhẹ hình phạt nên cần xem xét là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm b, khoản 1 và khoản 2, Điều 46- BLHS.

Xét vai trò bị cáo là thứ yếu giúp sức, bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội mà được chồng rủ đi trộm cắp bằng xe máy, khi phát hiện thấy tài sản sơ hở thì Lâm Văn K là người thực hiện trộm cắp, bị cáo ở ngoài chờ sau đó đi xe máy về nhà. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự gì, hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn là hộ nghèo ở địa phương, đang nuôi 2 con nhỏ, chồng là bị cáo K trong vụ án đã bị tạm giam chấp hành án 04 năm tù. Trước và sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường toàn bộ phần trách nhiệm dân sự của bị cáo, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt.

Xét bị cáo Nguyễn Thị M có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46- BLHS, không có tình tiết tăng nặng; căn cứ vai trò, nhân thân cũng như hoàn cảnh gia đình của bị cáo nêu trên, đề nghị chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 138; điểm b, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 53; Điều 20; Điều 60- Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 02 (Hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường cho những người bị hại là chị Mè Thị P số tiền 2.500.000 đồng, anh Trần Văn C số tiền 3.000.000 đồng, anh Nguyễn Trí L số tiền 4.500.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Bị cáo không có quan điểm tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết sai, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng án treo để có điều kiện cải tạo tốt chăm lo cho gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị M được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị M: Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 22/02/2017, bị cáo Lâm Văn K đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 08 xe mô tô thuộc địa bàn các xã V, VS, A, L và thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; tổng trị giá tài sản chiếm đoạt được là 94.500.000đ (Chín mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng). Trong đó Lâm Văn K một mình thực hiện 03 lần; bị cáo Nguyễn Thị M giúp sức cho Lâm Văn K trộm cắp 04 lần, chiếm đoạt được 04 xe mô tô có tổng trị giá là 52.000.000đ (Năm mươi hai

triệu đồng); bị cáo Nguyễn Văn K giúp sức cho Lâm Văn K trộm cắp 01 lần, chiếm đoạt được 01 xe mô tô trị giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Do K và đồng bọn không có sự cấu kết chặt chẽ hay phân công tỷ mỉ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức; M và K tham gia trộm cắp cùng Lâm Văn K là do K rủ rê, lôi kéo, đây là trường hợp đồng phạm có tính chất giản đơn. Căn cứ vào giá trị tài sản chiếm đoạt, cấp sơ thẩm truy tố và xét xử các bị cáo Lâm Văn K, Nguyễn Thị M theo điểm e, khoản 2, Điều 138 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn K theo khoản 1, Điều 138 - Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị M, HĐXX thấy:

- Về vai trò của bị cáo trong vụ án: Cấp sơ thẩm xác định bị cáo có vai trò giúp sức cho bị cáo Lâm Văn K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại là có căn cứ.

- Về tình tiết tăng nặng: Cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Thị M không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào là có căn cứ.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Thị M thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bồi thường dân sự và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46- Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, HĐXX thấy: Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân của bị cáo cũng như tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi bị cáo đã thực hiện, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt 02 năm tù đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị M, HĐXX thấy: Tại quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới là bồi thường dân sự và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt tại điểm b, khoản 1, khoản 2, Điều 46-BLHS. Mặc dù bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nhưng bị cáo có nhân thân tốt, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, Điều 46, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có vai trò giúp sức thứ yếu; hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, là hộ nghèo tại địa phương, hiện chồng đã bị tạm giam chấp hành án 04 năm tù, hai con còn nhỏ không có người chăm sóc, bị cáo đã ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Căn cứ theo hướng dẫn tại điểm d, khoản 1, Điều 2-Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, HĐXX thấy có đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng

án treo. Do đó căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 248 và điểm đ, khoản 1, Điều 249- BLTTHS, chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo. Sửa một phần bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự phát sinh trong giai đoạn xét xử phúc thẩm: Cần xác nhận sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường cho những người bị hại là chị Mè Thị P số tiền 2.500.000 đồng, anh Trần Văn C số tiền 3.000.000 đồng, anh Nguyễn Trí L số tiền 4.500.000 đồng.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận và bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên căn cứ quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 và điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 248; điểm đ, khoản 1, Điều 249-Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Chấp nhận một phần kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị M. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang đối với bị cáo.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 138; điểm b, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 53; Điều 20; Điều 60- Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 02 (Hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường cho những người bị hại là chị Mè Thị P số tiền 2.500.000 đồng, anh Trần Văn C số tiền 3.000.000 đồng, anh Nguyễn Trí L số tiền 4.500.000 đồng.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 và điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng

